TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 397/2018/QĐST-HNGĐ

Hải Châu, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
- Ông **Xa Thanh V** – Sinh năm 19xx
- Bà **Võ Thị Phong N** – Sinh năm 19yy

Cùng địa chỉ: Đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Xa Thanh V và bà Võ Thị Phong N đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân giữa ông V và bà N đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa ông V và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông V và bà N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông V và bà N là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông V và bà N.

[2] Về con chung: Ông V và bà N có 01 con chung là: Xa Vũ G, sinh ngày 23/3/20ss. Khi ly hôn, ông V và bà N thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Võ Thị

Phong N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xa Vũ G; ông Xa Thanh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của ông V và bà N là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông V và bà N xác định không có tài sản chung nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông V và bà N xác định không có nợ chung nên Tòa án không đề cập đến.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Xa Thanh V và bà Võ Thị Phong N thỏa thuận thuận tình ly hôn

- Về con chung:

+ Bà Võ Thị Phong N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Xa Vũ G, sinh ngày 23/3/2012.

+ Ông Xa Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Võ Thị Phong N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Xa Thanh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Xa Thanh V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Xa Thanh V và bà Võ Thị Phong N mỗi người phải chịu một nửa, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006713 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông V và bà N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Thảo

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.